

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam

Ban Hoằng Pháp Trung Ương

Lớp Cao cấp Giảng Sư Hoằng Pháp

Bài giảng

BA DẤU ẤN CHÁNH PHÁP

Người thực hiện : Giảng Sư Thích Nguyên Bình

oooooOooooo

Phật Lịch 2548

DL 2004

BA DẤU ẤN CHÁNH PHÁP



DẪN KHỞI: Phật Pháp vô lượng như biển cả nếu không có những tiêu chuẩn thẩm định giáo pháp thì không thể minh định được chánh tà, dễ bị ngoại giáo trà trộn phá hoại. Để xác định chánh pháp Phật đà, Chư tổ đức đã đưa ra những chuẩn mực để cho người tu học sơ môn dễ nhận biết, không lầm lạc với ngoại giáo, các chuẩn mực đó là Pháp Ấn. Theo Nam tông chỉ có một Pháp Ấn duy nhất là Tam Pháp Ấn Vô thường, Khổ và Vô Ngã. Theo Đại Thừa có nhiều Pháp Ấn và mỗi Pháp Ấn xác định một phạm vi hay giới hạn tu chứng riêng biệt và tùy theo từng đối tượng và căn cơ sai khác mà pháp có sai biệt nhưng tất cả đồng một mục đích là đưa đến giải thoát giác ngộ.

Pháp Ấn là một trong những nền tảng căn bản để xác định là giáo pháp này có phải là Phật pháp hay là nguy tạo. Y cứ vào những pháp ấn, người tu sĩ và hàng Phật tử có thể an tâm xác quyết giáo pháp mình tu đưa đến giải thoát chơn thật. Hình ảnh này được ví như dấu ấn thế nhưng như dấu ấn của vua quan sai khác hay chữ ký và con dấu trên các sắc lệnh của Thủ Tướng hay Tổng Thống có hiệu lệnh trùm khắp đất nước hay phạm vi hữu hạn như quyết định của tỉnh chỉ có giá trị giới hạn trong một tỉnh, quyết định của huyện hay xã chỉ lưu hành trong một huyện hay xã đó mà không có giá trị với nơi khác. Cũng vậy, theo Đại Thừa, mỗi Pháp Ấn có giá trị trên từng phạm vi nhất định, giải thoát tự thân hay làm lợi lạc chúng sanh đưa đến đưa đến Phật quả cứu cánh. Để biết rõ hơn về pháp ấn Đại Thừa chúng ta hãy tìm hiểu về ba Pháp Ấn: Chư hành vô thường - Chư Pháp vô ngã - Niết bàn tịch tĩnh. Hoặc ba Pháp Ấn là: Vô thường - Khổ Không - Vô ngã.

CHÁNH ĐỀ: Pháp tức giáo pháp hay phương pháp tu hành là tướng trạng của chơn lý hay đạo. Nó cũng là quy luật vận hành của vũ trụ thí dụ vô thường là một quy luật tất yếu. Dù có Đức Phật và giáo pháp hay không nó vẫn hiện hữu vận hành ngay trước mắt chúng sanh. Nhưng người mê không rõ bị nó làm khổ đau. Bậc trí biết rõ quy luật vận hành của các pháp tự tại trong nó mà không bị nó chi phối khổ đau.

Ấn tức con dấu theo nghĩa đen nhưng ở đây chỉ cho dấu vết hay sự khắc ghi hoặc đặc tánh của pháp hiện hữu mà căn cứ vào nó chúng ta có thể xác quyết rõ ràng đây là chánh pháp.

Theo Huệ Quang tự điển, Pháp Ấn chỉ dấu ấn của Phật pháp. Dấu ấn là vật để chứng minh sự thật. Vì thế, những pháp dùng để chứng minh chuẩn mực chân chính của Phật pháp gọi là Pháp Ấn.

Theo Pháp Hoa Huyền Nghĩa của ngài Cát Tạng: Pháp Ấn là ấn định các pháp không thể thay đổi. Ngoài ra dùng văn làm ấn, lấy văn làm chuẩn mực cố định của một lý thuyết nào đó khi đem so sánh nếu lý và văn tương ưng với nhau thì đó là lý đúng, gọi là Pháp Ấn.

Các pháp ấn truyền thống:

Nhứt Thật Tướng Ấn hay *Thật Tướng Vô Tướng Ấn* của Đại Thừa

Tam pháp Ấn tiểu thừa: *Vô thường - Khổ - Vô ngã*.

Tam Pháp Ấn Đại Thừa Thông Giáo: *Chư hành vô thường - Chư Pháp vô ngã - Niết bàn tịch tịnh*. Hoặc ba Pháp Ấn là: *Vô thường - Khổ Không - Vô ngã*.

Ba môn tam muội hoặc ba giải thoát môn: Không - Vô tướng - Vô Tác

Theo Mật giáo, ba Pháp Ấn truyền thống là:

Nhứt Thiết Trí Ấn – Nhứt Thiết Chung Trí Ấn và Thanh Tịnh ấn hay Pháp Giới Thể Tánh Trí Ấn (Chơn tâm - Diệu tâm & Thanh tịnh tâm) hay Vô Thượng Đà la ni – Xuất Ly Đà La Ni và Thanh Tịnh Đà La Ni theo pháp hội Vô Biên Trang Nghiêm Kinh Bửu Tích.

Tứ Pháp Ấn: Vô thường - Khổ - Không - Vô Ngã (theo Nhứt Thiết Hữu Bộ & Đại Thừa)

Ngoài ra theo các kinh Đại thừa Tứ Pháp Ấn có lúc là: Tất cả hành vô thường; Tất cả hành khổ; Tất cả pháp vô ngã; Niết bàn tịch tịnh. Pháp hội Bồ Tát Tạng Kinh Bửu tích.

Hay: *Thường - Lạc - Ngã - Tịnh*. Kinh Đại Bát Niết Bàn

NỘI DUNG BA PHÁP ẤN:

Chư hành vô thường, Chư pháp vô ngã, Niết bàn tịch tĩnh = Khổ không

Chư hành vô thường: là Pháp Ấn căn bản mà tất cả kinh giáo đại tiểu thường đề cập đến khi nói về pháp tướng sanh diệt thế gian. Hành chỉ cho sự vận động biến dịch, là các pháp hữu vi, Vô thường có nghĩa là không thường trụ, không bền vững. Tất cả pháp hữu vi sanh diệt dời đổi theo bốn tướng sanh trụ dị diệt xoay vần từng sát na xưa có nay không, xưa không nay có

nên nói là vô thường. Theo Luận Trí Độ có hai thứ vô thường: “*Niệm niệm vô thường* tức sự sanh diệt tương tục trong từng sát na tâm và *Tương tục vô thường* là sự hoại diệt của các pháp tương tục”. Như vậy, hai món vô thường này chỉ rõ sự sanh diệt liên tục của thức tâm cùng sắc thân và vạn pháp hay ngoại cảnh xung quanh ta.

Vô thường là một quy luật chung cho tất cả vạn vật vũ trụ đứng trên tất cả pháp thì gọi là Sanh Trụ Dị Diệt. Y cứ trên chúng sanh thì gọi là Sanh Già Bệnh Chết. Đây là định luật chung mà tất cả chúng sanh phải chịu. Nó thường hằng hiện hữu. Thế nhưng người có trí huệ mới nhận được nó và an nhiên sống không ưu não, khi tu thiền định thâm sâu có thể vượt qua nó, được thọ mạng tùy ý. Nhưng với chư Phật và bậc thánh giải thoát thì kéo dài thọ mạng cũng là thể hiện chấp ngã nên thuận theo quy luật vận hành của vũ trụ mà sống, còn duyên ở hết duyên đi, nhưng vượt ngoài vòng chi phối của nghiệp, tự tại thọ sanh. Kẻ si mê thì bị nó làm khổ đau.

Đứng trên phân biệt thì chúng ta có thể chia vô thường ra thành thân vô thường, tâm vô thường, vạn pháp vô thường (hoàn cảnh, cõi nước chúng sanh, sự vật v.v. .)

Thân vô thường: thân mạng của chúng sanh luôn biến chuyển không ngừng hằng ngày có vạn ức tế bào chết đi sanh ra trong thân, sanh mạng chỉ nương vào hơi thở. Mới ngày nào còn lẫm đẫm bước đi, nay đã trưởng thành có sự nghiệp rồi bỗng chốc già nua, bệnh tật lại theo thân mà đến để trở về cát bụi hay tuổi xanh đang đượm, vô thường chợt đến cướp mạng căn. Nhận thức được vô thường đang chuyển biến trong thân từng sát na, sắc thân ngũ uẩn là vô thường khổ não, là pháp bại hoại thì lia ngã và ngã sở. Người tu hằng tinh sáng an lạc hành những việc cần làm để lợi lạc cho người và mình, luôn an trú trong chánh pháp Đức Phật, không bi quan hay lạc quan trước bất cứ hoàn cảnh nào. Không lãng phí bất cứ thời gian vô ích nào.

Tâm Vô thường: Tâm niệm tất cả phàm phu chúng ta hằng luân chuyển như dòng thác “Duy Thức Tam Thập Tụng” gọi đó là “*hằng chuyển như bộc lưu*” niệm niệm dời đổi không nhất định, tùy theo niệm và hơi thở dài ngắn mà thọ mạng có sai khác. Kinh 289 Tạp A Hàm ghi: “Tâm Ý thức ngày đêm chuyển biến trong từng sát na không ngừng nghỉ”. Kinh An Ban Thủ Y nhấn mạnh cho chúng ta sự liên tục vô thường của niệm khi nói: “Trong một cái búng tay có 960 lần chuyển biến”. Để mọi người nhận rõ được sự chuyển biến vi tế của niệm, không lãng phí thời gian nhất tâm tu đạo. Người nhận được thật lý vô thường, tâm hằng tĩnh giác không chạy theo nó

là người trí nếu ngộ được nguồn tâm siêu xuất nó thì vận hành được nó không lãng phí một phút giây nào. Nếu mê mờ chạy theo nó thì bị chìm trong sanh tử.

Vạn pháp xung quanh ta hằng sanh diệt, người xưa thường dùng từ tang hải biến vi tang điền; biển cả biến thành ruộng dâu để chỉ sự thay đổi này. Đặc biệt trong thời đại văn minh vật chất sự thay đổi đó càng nhanh chóng hơn. Xưa là bãi rác sinh lầy nước đọng, nay là khu phố sầm uất đông đảo. Dòng sông xưa nước trong xanh nay rác rưởi nước đen ngòm phủ lấp. Chẳng những những thế, ngay cả trái đất chúng ta đang sống cũng thay đổi từng giờ từng phút trong lòng nó. Ngay cả vũ trụ hay ba ngàn thế giới cũng chuyển động sanh diệt từng phút giây theo quy luật thành trụ hoại không mà ta không biết. Người xưa biết rõ khi thấy cảnh biển cả biến thành ruộng dâu, than rằng: *“Tạo hoá gây cho cuộc hý trường, bấy lâu thấm thoát mấy tinh sương, lối xưa xe ngựa hồn thu thảo, nền cũ lâu đài bóng tịch dương, đá vẫn tro gan cùng tuế nguyệt, nước còn chau mặt với tang thương, ngàn năm gương cũ soi kim cổ, cảnh đày người đày luống đoạn trường”*. (Bà Huyện Thanh Quang) Thế nhưng, họ không biết được thật tánh vô thường hằng như thị, thuận theo đó mà vận hành chỉ thở than hay lẩm khi chán nản: *“Ba vạn sáu ngàn ngày là mấy, cảnh phù du trông thấy cũng nực cười, thôi hơi đâu mà chuốc lấy sự đời, tiêu khiển một vài chung lếu láo”*. (Cao Bá Quát) Để năm tháng trôi qua vô ích, chúng ta biết là nhờ vào lời Đức Phật và thánh hiền để lại.

Ngày nay, khoa thiên văn học hiện đại đã minh chứng cho chúng ta thấy rõ lời bậc đại giác nói cách đây hai nươi lăm thế kỷ không hề sai, ngược lại lời dạy của Đức Phật còn là ánh sáng trí huệ soi đường cho khoa học hiện đại đi theo. Kinh Bát Đại Nhon Giác nhắc nhở chúng ta: *“Thế gian vô thường, cõi nước giòn bở, sanh diệt biến dị hư nguy không chủ, người con Phật phải thường hằng quán sát như thế thì lần lần lìa sanh tử khổ”*. Mọi vật lớn nhỏ trong cuộc sống đều như thế mà thay đổi. Ngày nay, khoa học văn minh vật chất lên cao nhưng những tai nạn như sóng thần, núi lửa, động đất, bão lụt, hạn hán ngày càng khắc nghiệt hiện rõ cho chúng ta thấy sự vô thường chuyển biến của các Pháp như lời dạy của Đức Thế Tôn sâu sắc hơn. Nhận rõ thế sự vô thường, y theo quy luật vận hành của nó mà sống phát triển tự tại trong khổ vui, không bị danh lợi tình tiền làm đau khổ, không bị nó cuốn hút trong dòng nghiệp thức vô biên, hằng an trụ trong lòng từ bi hỷ xả, làm lợi lạc tha nhân là người Phật tử chơn chánh có trí huệ giữa thế gian này.

Quan niệm về vô thường của Bắc Truyền và Nam Truyền không sai khác mấy. Nhưng Bắc Truyền nhấn mạnh đến các hành vô thường, mở rộng ý tưởng về vô thường trên tinh thần vô tác. Vì chữ hành có nghĩa là tạo tác, về sau chuyển thành nghĩa thiên lưu biến hoá. Tất cả pháp thiên lưu biến chuyển vô thường là sự hiển nhiên. Nhưng trên tinh thần bát nhã, ngay cả các pháp hạnh như công hạnh Bồ Tát chư Phật cũng như huyễn trên tinh thần hành vô hành hành. Cho nên, pháp ấn này nếu theo tinh thần bát nhã cũng gọi là *Các Hạnh Vô Thường*.

Chỗ này, Đại Thừa chỉ rõ tất cả nghiệp thiện ác đều như huyễn, ngay cả đại hạnh nguyện Bồ Tát cũng phải thực hành trên lý như huyễn, làm rồi bỏ làm rồi đi mà cứ làm mãi mới trọn đầy tất cả công đức siêu việt có không thiện ác, vì chấp pháp, chấp Phật cũng là mê. Hay rõ ràng hơn, thế gian mê xì ke ma tuý vợ con cờ bạc rược chè là ngu, người tự cho mình là trí mà kẹt trong danh tướng chùa chiền nghi thức, mê chấp Phật pháp cũng là si. Người tu Phật phải nhận rõ tự tánh các pháp, hành tất cả hạnh mà không thấy có một hạnh để mình hành, chứ không phải là không hành, hoặc hành rồi chấp, chấp rồi chết với ngu si ấy. Vì thế, trong luận Đại Trí Độ thuật lại: “Khi Đức Phật Niết bàn, Ngài A Nậu Lô Đà nói kệ rằng: *“Ôi! Thế gian vô thường, như trăng nước, ba tiêu, công đức mẫn tam giới, gió vô thường hoại diệt”*. Cùng một ý này, Kinh Niết bàn nói: *“Các hạnh vô thường, là pháp sanh diệt, sanh diệt diệt rồi, tịch diệt là vui”*. Là hợp nhất ý nghĩa Hạnh - Hành như thị. Đây là đứng trên tướng sanh diệt thế gian mà nhìn theo quan điểm đạo Phật. Trong Đối Trị Tất Đàn nói: *“Vì muốn cứu chúng sanh khỏi sự đắm say trong cái vui ba cõi nên Đức Phật nói vô thường cho chúng sanh liả dục nhiễm”* (Luận Trí Độ). Thế nhưng, người tu Đại Thừa ngay cả công đức hay hạnh nguyện thù thắng khi viên mãn cũng phải liả, luôn không trụ trước mới thật chứng pháp ấn vô thường này.

Đặc tính của pháp ấn vô thường là giúp cho người con Phật luôn thường hằng tỉnh giác trong quy luật sanh diệt của vạn pháp không bỏ phí thời gian vô ích, nhận ra thể bất sanh diệt trong ta, thường hằng sống với chơn tâm bất sanh diệt của mình. Mặt khác, chính vô thường là năng lực thúc đẩy sự tiến hoá của con người, nếu không có vô thường chuyển biến thì một học sinh không có ngày thành thợ giỏi hoặc người thầy trên bục giảng hay kỹ sư bác học... Do nhận rõ lý vô thường sanh diệt, người trí bớt đi sự tranh đấu vô nghĩa, không phung phí thời gian vô ích, không hoảng sợ khi nó đến với chúng ta, không buồn rầu lo lắng tư lự ưu sầu. Mà thường

hằng sống với pháp thân không sanh diệt của chính mình, dùng trí huệ thuận theo quy luật vũ trụ mà sống và hành đạo làm lợi ích tất cả chúng sanh bằng tâm từ bi vô hạn lượng.

Chư pháp Vô Ngã: Đây là pháp ấn đặc thù của Tiểu Thừa và Đại Thừa, trong kinh tạng Nikaya có đề cập đến. Nhưng các nhà tư tưởng Nam truyền không phát huy tư tưởng này. Khi nói đến Pháp Vô Ngã, Phật giáo Nam truyền chỉ đề cập đến qua nguyên lý vô thường nhấn mạnh không có cái tự ngã trong ta và không sở hữu của ta. Các bộ phái Phật giáo và Đại Thừa thì ngoài triển khai *Nhơn vô ngã* còn đi sâu vào *Pháp vô ngã* tức tất cả pháp vận hành theo quy luật tự nhiên không có chủ thể tự tánh không lìa tất cả sanh diệt biến dị. Trên tinh thần pháp đều không, đây là chỗ Kinh Duy Ma nói: “*Bốn đại không chủ, thân cũng không ngã, chỗ thấy không ngã, cùng đạo tương ưng*”. Luận Du Già Sư Địa quyển 46 ghi: “Tánh vô ngã trong các pháp nghĩa là trong tất cả sự ngôn thuyết thì trong tất cả ngôn thuyết tự tánh đều không”. Trong Tâm Kinh Bát Nhã khẳng định các pháp đều không tướng, không sanh sanh không diệt, không cấu không tịnh không tăng không giảm thể đạo dường như hư không, lìa năm uẩn, sáu trần, mười hai xứ mười tám giới và tất cả pháp. Người tu phải rõ tánh pháp giới như kệ nói: “*Biết rõ pháp giới tánh sanh diệt, Vô ngã vô tranh diễn các căn*”. (Pháp Hội Bửu Nữ q.8.Trang 34) hay rõ ràng hơn: “Nên quán tánh pháp giới, tất cả do tâm tạo” (Hoa nghiêm) Đây là nêu lên huyền tướng của vạn pháp chỉ rõ hơn pháp không hai trên tinh thần bất nhị trong pháp hội “Vô Biên Trang Nghiêm”. Đức Phật dạy người tu Bồ Tát đạo phải: “*Trụ nơi hạnh tự lợi và lợi tha, khéo quan sát tự tha, tất cả pháp đều vô ngã. Ngã đã thanh tịnh liền chứng nhập tất cả pháp thanh tịnh. Thích diễn thuyết giáo pháp để khai thị, chẳng bỏn xẻn nơi chánh pháp*”.

Như vậy, khi nói đến pháp ấn vô ngã theo nam truyền chỉ nêu lên qua nguyên lý vạn pháp vô thường. Cho chơn lý là như nhất, còn tiểu thừa và Đại Thừa chỉ rõ lý ngã pháp đều không, có không như huyền mộng. Đây là căn bản của giáo pháp tánh không Bát Nhã.

Niết bàn tịch tĩnh: Là trạng thái an lạc trong thiền định lìa tất cả ngã chấp, dứt tất cả khổ đau như Hoa nghiêm nói: “Nếu thấy Vô ngã ba khổ dứt” người thấy được lý vô ngã thì thật chứng đại Niết bàn hay nói cách khác Vô Ngã chính là Niết bàn, đoạn tận mọi tham ái khổ đau, không còn cái ta và sở hữu của ta, đưa đến giải thoát an tịnh. Quan niệm tôn giáo Ấn Độ xưa cho rằng tất cả pháp không lìa đại ngã và tiểu ngã. Đại ngã là Thượng Đế hay Phạm Thiên, về sau phát triển thành vũ trụ. Tiểu ngã chính là cái ta trong mỗi chúng sanh. Chúng sanh chấp năm uẩn này

là của ta trau chuốt sẵn sóc chiều chuộng nó, tham đắm nó. Người tu phải làm sao tu hành cho tiểu ngã trở về hoà nhập đại ngã thì được giải thoát đó là quan niệm của Bà La Môn.

Phật giáo thì chỉ rõ: “Không có một cái ngã thường trụ, thân này do hợp thể ngũ uẩn tạo thành rớt ráo không có tự ngã vì nó là vô thường, là khổ, các Tỳ Kheo phải quán thân là vô ngã không phải của ta”. (theo kinh Vô Ngã Tướng). “*Ngã ấy chẳng ở quá khứ hiện tại vị lai, hoặc nội ngoại thô tế, hoặc thắng liệt, xa gần, tất cả các pháp cũng đều không ngã và ngã sở, dùng trí như thiết quán sát các pháp không có ngã. Nếu đệ tử đa văn của Phật mà quán sát như vậy thì sanh lòng chán lìa mà được giải thoát cứu cánh Niết bàn. Tu học như vậy thì chứng pháp thân ấy, phần sanh khởi đã hết, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, chẳng còn thọ thân sau*”. (Kinh Phật thuyết nhơn xử thái & Tỳ nại da tạp sự) do không chấp thân và tâm này mà hành giả, dễ thành tựu giải thoát an lạc. Điển hình là năm vị Tỳ Kheo sau khi nghe kinh này đều khi chứng được vô ngã phá ngã tướng, không còn chấp trước, đắc quả A la Hán.

Pháp Ấn này cũng gọi là **Khổ không** đây là một pháp ấn đặc thù của Phật giáo Bắc truyền trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ bản Hán, nhưng bản Việt dịch đánh lầm thành bốn pháp ấn. Trong cõi Tịnh Độ không có các điều khổ, ngay cả danh tự khổ cũng không, mà nói cây bấu diển nói các pháp *Vô Thường, Khổ, Không, Vô Ngã* theo tinh thần Hữu Bộ là sai lầm. Trên lý tánh theo Đại Thừa, khi nhìn được thật tướng tánh không các Pháp thì khổ cũng không thật có. Chỉ vì chúng ta si mê không nhận được thật tướng các pháp chạy theo huyễn pháp nên chịu khổ đau trong huyễn mộng. Văn Tiểu Sám Hối nói: “*Tất cả các pháp đều là Phật pháp mà con không rõ lại theo dòng vô minh, vì thế, trong trí Bồ đề mà thấy không thanh tịnh, trong cảnh giải thoát mà sanh ràng buộc*”. Chúng sanh mê nên chịu khổ đau trong nghiệp vọng. Người có trí huệ quán sát nhận rõ được cội nguồn của khổ đau thì ngộ được đạo màu. Cho nên pháp ấn này gọi đúng phải là Khổ Không tức Niết bàn là trạng thái thanh tịnh vắng lặng không có khổ đau.

Theo giáo pháp căn bản, người tu Đạo để khi chứng Diệt đế tức Niết bàn. Pháp cú 202 nói “*Không có khổ nào bằng khổ ngũ uẩn, không có vui nào bằng vui Niết bàn*”. Thanh văn biết pháp hữu vi vô thường thì cầu chứng an trụ Niết Bàn, vì thấy có khổ đau, thật có Niết bàn để chứng. Với Bồ Tát chính gian khổ là chất liệu hình thành diệu trí giác ngộ. Đây là lý phiền não tức Bồ Đề. “Luận Bảo Vương Tam Muội” nói: “*Chánh pháp Phật đã lấy bệnh khổ làm thuốc thân, lấy hoạn nạn làm giải thoát, lấy khúc mắc làm thú vị, lấy ma quân làm đạo bạn, lấy khó*

khăn làm thích thú... ”. Khổ Không là trạng thái ngộ được nguồn tâm, rõ được pháp tánh, thân chứng Niết bàn nên không còn đau khổ, chỉ thuần an lạc tối thắng. Niết bàn là trạng thái chấm dứt tất cả khổ đau. Thành tựu chơn trí ngay tại thế gian này chứ không phải sau khi chết mới có Niết bàn.

Thế nhưng, theo tinh thần Đại Thừa, Niết bàn của Thanh văn và Bồ Tát sai biệt nhau. Thanh văn vào Diệt Tận Định chứng Hữu Dư Niết bàn, khi xả thân được coi là viên mãn Vô dư y Niết bàn, cho đây là viên mãn. Đại Thừa thì chỉ rõ chỗ này chỉ là tướng Niết bàn, chỉ mới viên thành như vô ngã trên tinh thần nương pháp vào định, dù chứng Diệt Tận Định tức Diệt Thọ Tướng Định là tướng định cứu cánh không thoái chuyển, nhưng chưa thể nhập được trí tánh vạn pháp. Vì chỉ mới vượt qua hành âm vào biển thức tánh vô biên, nên chỉ là hoá thành chứ chưa phải thật chứng đại Niết bàn vì khi Thanh văn vào định, an trú Niết bàn, tất cả phiền não vắng bật, khi xả định, bao phiền não vẫn y nguyên. Vì trong Diệt Thọ Tướng Định do không còn thọ tướng nên không khởi phiền não (hành) vì chưa chuyển được thức thành trí. Vì thế, chỉ có hàng đại Thanh văn mới dám đồng mãnh hoằng pháp lợi sanh nhưng tập khí chưa trừ, không thể đưa người vào biển đại giác ngộ cho nên chỉ khuyên dạy người phật tử sống đạo đức hành thiện cúng dường sanh thiên tu hành chứng đến A na Hàm, có xuất gia mới chứng quả vô sanh.

Bồ Tát khi ngộ được thật tướng các pháp là tánh không vốn không chỗ trụ thì nhập *Vô Trụ Xứ Niết bàn* hay chứng Thật tướng bát nhã. Vô trụ xứ Niết Bàn, khi căn không duyên trần thức không sanh, chỗ đó là Niết Bàn. Khi vào được Tánh định, tất cả nơi chốn đều là Niết Bàn. Đi đứng nằm ngồi đều ứng dụng được. Chỗ này khác với Thanh Văn phải ngồi thiền vào Diệt tận định chứng Hữu Dư hay thị tịch mới có Niết Bàn viên mãn Vô Dư. Hàng Bồ Tát vào pháp giới hành đạo đối mặt tất cả cảnh duyên thuận nghịch, thường hằng an trụ chơn tánh nên căn không duyên trần thức không sanh thì có Niết Bàn thanh tịnh (*Vô trụ xứ Niết bàn* hay *Tánh Định*). Chỗ này, kinh Lăng Già nói: *“Tự tánh vọng tưởng là Niết Bàn”*. Vì tự tánh vọng tưởng không lìa tánh không trở về chân tâm thì vọng tưởng không còn đó là Niết Bàn. Bấy giờ thành tựu pháp vô ngã trí tự tại thường hằng không mất. Khi vị vào Thập Địa đến đẳng giác trở về thể như mới chứng Tự Tánh Thanh Tịnh Niết bàn tức trí định của chư Phật sau một quá trình rèn tâm viên mãn, chuyển thức thành trí trong pháp giới. Đây là chỗ Kinh Lăng Già nói: *“Tất cả không Niết Bàn, không Niết Bàn của Phật, cũng Phật Niết Bàn, tự tánh vô sở hữu”*. Rõ tánh thể vốn không, vạn

pháp huyễn hoá, vô thường chỉ là danh tự như ánh chớp hay bóng trong gương thì làm gì có người chứng và chỗ chứng đắc.

Tóm lại, theo tinh thần Đại Thừa chỉ có Đức Phật mới thật chứng chơn thật đại Niết bàn còn Thanh Văn và Bồ Tát chỉ phần chứng Niết bàn chứ chưa cứu cánh. Chỗ này, Pháp Hoa nói là Hoá Thành chứ chưa phải thật sự là bảo sở.

Ba Pháp Ấn này là căn bản để viên thành Bồ Tát hạnh. Về quả chứng là Bồ Tát từ bát địa trở đi. Phần lớn các kinh Đại Thừa đều có các pháp ấn này.

Hai pháp ấn đầu là nhân hành. Pháp ấn thứ ba là quả của hai pháp đầu.

Như vậy, ba pháp ấn này cũng như những pháp ấn khác của đạo Phật được triển khai trên tinh thần: *“Hoặc vô thường, hoặc các khổ, hoặc vô ngã hoặc Niết Bàn, đây là những pháp môn Như Lai khai thị bốn tánh tự tánh của tất cả pháp”*.

Công đức người ngộ được thật lý này như Pháp hội Phổ Minh Bồ Tát nói: *“Người giữ giới vững chắc, người quán tất cả hành là vô thường, khổ não, tất cả pháp vô ngã, Niết bàn tịch diệt nguyện muốn được. Các Tỳ Kheo này thọ của tín thí như núi tu di cũng quyết báo được phước tín thí, Tỳ Kheo này thọ của tín thí khiến thí chủ được lợi ích lớn, quả báo lớn”*.

Ba pháp ấn này thật ra ngay trong Kinh Pháp Cú của tạng Nikaya cũng có nói nhưng không rõ vì sao không được coi là pháp ấn trong Phật giáo Nam Truyền.

Có nhà nghiên cứu cho rằng đây là sự phát triển của giáo nghĩa Đại Thừa. Thế nhưng, thật ra đó là sự gán ghép gượng ép mù mờ theo suy diễn của tri thức, vì pháp ấn là dấu vết hay sự khẳng định chánh pháp trên tinh thần tâm chứng, ba đời chư Phật đều diễn nói như vậy, tất cả người tu đều phải y đây tu trì mới chứng đạo, dù tất cả pháp đều là phương tiện nhưng người sau không bằng được người trước, con đường thánh trước đã đi phần lớn người sau kế thừa phát triển không trọn vẹn chỉ phát huy được phần nào.

Đạo Phật không đặt giáo pháp trên nền tảng phát triển mà lấy tâm chứng hay hành đạo thực nghiệm làm căn bản thể nghiệm đạo mà hay chứng đạo xong, có trí huệ nhìn thấu thật tướng vạn hữu, khi giáo hoá mới tùy theo hoàn cảnh nhân duyên thời tiết quốc độ căn cơ tâm niệm chúng sanh mà diễn bày giảng giải. Giáo pháp Đức Phật dù là Bắc truyền hay Nam truyền từ ngàn xưa đều y theo người chứng đạo mà được xiển dương tùy theo tâm chứng người hành, và chủng tánh quốc độ mà hoằng dương chứ không phải phát triển trong vọng thức như tri thức khoa

học. Suy diễn nghiên cứu của khoa học chỉ có tính tương đối nay đúng nhưng ngày mai lật lại đó là sai lạc sửa lại. Sự phát triển khoa học đem lại cho con người rất nhiều lợi lạc nhưng cũng đem lại chiến tranh bệnh tật, ma túy kích thích phi đạo đức đầy dẫy, tranh đấu cách biệt giàu nghèo, và tàn phá thiên nhiên huỷ hoại môi trường là chính. Vì nó được phát triển bằng vọng thức phiền não tham lam sân hận ngạt trời. Nếu trí tuệ của Khoa học trở về được tánh không Bát Nhã thì cả hai không khác.

Ngày nay, phần đông người học Phật lấy khoa học để nhìn Phật pháp chỉ là đem trí ếch nằm đáy giếng nhìn Phật pháp. Đặc biệt, với Đại Thừa là pháp đi về lìa ngôn ngữ, dứt suy lường thấy bằng thiền định tâm chứng lại càng xa vời hơn. Vì khoa học được tôn trọng kết quả thực nghiệm, nhưng còn nằm trong phân biệt thức, vọng chơn gồm đủ. Trong lúc chơn lý Đức Phật do hiện thánh thân chứng trong định siêu việt vọng thức, chơn trí hiện bày mà thấy. Sự khẳng định trong giáo pháp Phật mang tính chắc thật chơn lý bất biến trước mọi hoàn cảnh, không bị thời gian không gian chi phối, dù là phương tiện diễn bày nhưng phải xác thực. Trải qua sự chứng nghiệm qua tự thân mọi hành giả. Pháp ấn là ấn khả các pháp như thế, xưa hành như thế nào, nay phải như thế. Dù có tùy duyên bất biến theo hoàn cảnh xã hội phong tục cõi nước nhưng thiền định và giải thoát và pháp hành không biến đổi mới thật sự là Pháp Ấn của Ba đời chư Phật. Chư Phật và tất cả hiện thánh đều y đây tu hành chứng đạo và diễn bày các pháp như thế trên tinh thần trung đạo hiện rõ thật lý đạo vốn không lời.

So sánh Ba pháp ấn Đại Thừa & ba pháp ấn theo truyền thống nam truyền

- Chư hành vô thường = Vô thường
- Chư pháp vô ngã # Khổ
- Niết bàn tịch tịnh - Khổ không = Vô ngã

Nhìn vào ba pháp Ấn của hai bên chúng ta thấy ngay sự khác biệt là chư Pháp Vô Ngã và Khổ, không tương xứng. Nam truyền không nói đến Pháp Vô Ngã, vì thấy pháp là thật nên nhấn mạnh đến yếu tố khổ trong Khổ Thánh Đế cho mọi người thức tỉnh.

Đại Thừa chỉ rõ khổ đau không thật vì chúng ta si mê nên có khổ đau, khi thức tỉnh hay giác ngộ thì khổ không từ đâu đến chẳng đi về đâu. Nhưng khi có chuyện đối cảnh sanh tình, phiền não khởi lên thì người thọ cảm thấy như đất trời sụp đổ, khổ não cùng cực. Nhưng nếu ngay nơi

đó có trí quán chiếu định tĩnh lại được thì có sức trí huệ nhãn nhục siêu xuất vượt được phiền não. Đây là chỗ Đại Thừa nói phiền não tức Bồ Đề. Nhưng chỉ có bậc đủ trí huệ thiền định mới vượt ải nổi. Còn thường nhân ôm khổ não nhờ thời gian là liễu thần được phôi pha nhưng không thoát được dấu ấn nội tâm thường ảnh hiện. Cho nên, chỗ này nói khổ cũng được mà nói pháp vô ngã cũng thế vì trên tự tánh phiền não khổ đau cũng không thật, tùy theo căn khí chúng sanh mà triển khai. Người đắm mê trong cõi mộng chưa từng đau khổ không thể nhập được thật tánh của ngã là không, cho ngã là thượng đế thần linh v.v...

Giáo lý căn bản nói cho người khổ đau mê muội tự hành quán chiếu. Trở về được Nhơn vô ngã. Lý Pháp vô ngã thì chỉ có bậc căn khí cao mới thấy và quán chiếu được tường tận thật tánh vạn pháp, không đủ trí tự giác thì đâu có thể ngay trong đau khổ mà hiện bày trí giác Bồ Đề.

Khi thấy được sự khác biệt này, chúng ta hiểu ngay Nam Truyền y trên nhân địa chúng sanh đặt ba pháp ấn, Đại Thừa lấy nhân tu đạo quán chiếu lấy trí huệ làm chủ đạo nên đặt ba pháp ấn đi sâu vào giáo pháp hơn. Đặc biệt Pháp Vô Ngã là một hệ luận để phá cố chấp về chánh pháp của Đức Phật và ngoại đạo, giúp người tu thành tựu bình đẳng tâm, được pháp vô ngã trí làm lợi lạc muôn loài.

KẾT LUẬN: Tóm lại Ba pháp ấn của Đại Thừa cùng ba pháp ấn Nam truyền là một tư tưởng nhưng Đại Thừa đi sâu vào hành dụng hơn, đưa đến lia tất cả chấp trước về pháp. Người si mê không rõ thì chia rẽ chấp chặt theo bộ phái tông thừa. Nào ai rõ phân chia giáo nghĩa tông chỉ thì chánh giáo lu mờ không có đường vào bảo sở. Giáo pháp Đức Thế Tôn là một thể nhất thống, theo Đại Thừa tất cả Pháp Ấn đều dung thông nhất quán nhau chứ không hề chống trái, chỉ tùy theo căn cơ chúng sanh mà Đức Phật nói pháp khác biệt, phương tiện pháp tuy nhiều nhưng rốt lại không ngoài chỉ rõ nguồn tâm và diệu dụng vô biên của nó. Trong pháp hội “Vô Biên Trang Nghiêm” kinh Bửu Tích Đức Phật khẳng định: “*Vì làm cho giáo pháp tùy thuận theo chúng tánh chúng sanh không đoạn dứt nên thiết lập pháp ấn*”. Chúng tánh chúng sanh vô lượng nên pháp ấn phương tiện và tất cả pháp tu có nhiều sai khác dị biệt. Đây là nhìn trên chúng tánh có sai thù, trở về cứu cánh thì pháp ấy thuần một vị giải thoát Niết bàn môn. Như vậy, nếu trở về ứng dụng được tâm này thì thấy tất cả pháp đều bình đẳng trên thể nhất chơn không sai khác.

Không rõ thì thánh hiền lục đạo và mười pháp giới sai cách muôn trùng. Ai là bậc trí giả nên dùng trí quán xét thâm định rõ ràng, lia chấp trước hý luận thì đạo lớn hiện tiền trước mắt ta.

Mong sao tất cả người con Phật có mắt trí huệ thấy rõ tất cả pháp, nhận chân được chánh pháp của Đức Thế Tôn qua các pháp ấn, một lòng y đó tu hành không lọt vào lưới ma đồ trong thời hiện tại cũng như vị lai.